

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP THAN HÀ TU-VINACOMIN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : **3733** /TB-VHTC

Quảng Ninh, ngày **19** tháng **10** năm 2026

THÔNG BÁO MỜI CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Gói dịch vụ: Trung tu máy bơm 630 số 9

Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin mời nhà cung cấp tham gia gói dịch vụ: Trung tu máy bơm 630 số 9.

Kính mời Quý nhà cung cấp có khả năng thực hiện gói dịch vụ tham gia.

Thông tin chi tiết về gói dịch vụ:

1. Tên gói dịch vụ:

- Trung tu máy bơm 630 số 9.
- Thời gian thực hiện gói cung cấp: 30 ngày (Không bao gồm ngày nghỉ lễ và chủ nhật).

2. Các thông tin khác: Quy định cụ thể trong nội dung Hồ sơ yêu cầu.

3. Thời gian và địa điểm phát hành Hồ sơ yêu cầu:

- Thời gian phát hành: 14 giờ 00 phút, ngày **20** tháng 10 năm 2026 đến trước 14 giờ 00 phút ngày **23** tháng 10 năm 2026. (Trong giờ hành chính).
- Giá bán 01 bộ Hồ sơ yêu cầu: Miễn phí.
- Địa điểm phát hành: Phòng Kế hoạch Công ty Cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin.

- Địa chỉ: Khu phố 6, phường Hà Tu, Thành phố Quảng Ninh.

4. Thời gian nộp Hồ sơ đề xuất: Trước 14 giờ 00 ngày **23** tháng 10 năm 2026 tại Phòng Kế hoạch Công ty Cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin.

5. Thời điểm đóng Hồ sơ đề xuất: 14 giờ 00 ngày **23** tháng 10 năm 2026.

6. Thời điểm mở Hồ sơ đề xuất: Từ 15 giờ 00 ngày **23** tháng 10 năm 2026 (Trong vòng 2 giờ kể từ khi kết thúc thời gian nộp Hồ sơ đề xuất).

Công ty Cổ phần Than Hà Tu-Vinacomin kính mời đại diện các nhà cung cấp có khả năng thực hiện gói cung cấp dịch vụ nêu trên tham gia nộp hồ sơ đề xuất vào thời gian và địa điểm nêu trên./.

Nơi nhận:

- Văn phòng TKV (e-copy);
- P.CV (để đăng Website Cty, e-copy);
- Lưu: VT, KH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
—o0o—

HỒ SƠ YÊU CẦU
CHÀO HÀNG CẠNH TRANH SỬA CHỮA THIẾT BỊ

Tên thiết bị: Máy bơm 630 số 9

Số thẻ TSCĐ: 10185.

Thuộc kế hoạch: Sửa chữa TSCĐ là thiết bị năm 2026

Đơn vị: Công ty Cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin.

(Ban hành kèm theo Thông báo số: **3733** /TB-VHTC ngày **19** / 10 /2026)

CÁC THÀNH VIÊN
TỔ CHUYÊN GIA

1. Ông: Nguyễn Trọng Hiếu.....
2. Ông: Vũ Xuân Luận.....
3. Bà: Vũ Phương Thảo.....
4. Ông: Lam Văn Hùng.....
5. Ông: Trần Anh Dũng.....
6. Bà: Nguyễn Thị Ngọc Thủy.....
7. Bà: Phạm Thị Lan Hương.....



GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Tuấn

Tháng 10 năm 2026

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Bên mời cung cấp dịch vụ	Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin
Kế hoạch	Là Kế hoạch Sửa chữa tài sản cố định năm 2025 của bên mời cung cấp dịch vụ ban hành theo 6636/TKV-KH ngày 26/11/2024 về việc Thông báo các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch PHKD năm 2025 của Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam; Quyết định số 835/QĐ-VHTC ngày 28/02/2025 về việc ban hành phương án điều hành SXKD năm 2025.
ĐKHĐ	Điều kiện của hợp đồng.
HSYC	Hồ sơ yêu cầu.
HSDX	Hồ sơ đề xuất.
Luật Dân sự	Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13.
Luật đấu thầu	Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15
Nghị định 214/2025/NĐ - CP và nghị định số 349/2026/NĐ - CP	Nghị định số 214/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và Nghị định số 349/2026/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.
VND	Đồng Việt Nam.

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Mục 1. Phạm vi gói dịch vụ.

1. Bên mời cung cấp dịch vụ: Công ty Cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin mời Nhà cung cấp tham gia chào hàng cạnh tranh gói cung cấp dịch vụ được mô tả tại Chương II - Yêu cầu đối với gói cung cấp dịch vụ.

- Tên gói cung cấp dịch vụ: Trung tu Máy bơm 630 số 9

2. Nguồn vốn: Chi phí sản xuất năm 2026.

3. Thời gian thực hiện gói cung cấp:

- Thời gian sửa chữa: 30 ngày. (Không bao gồm ngày nghỉ lễ theo quy định của Nhà nước và chủ nhật).

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Kể từ khi Hợp đồng có hiệu lực đến khi hai bên thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ.

Hành vi bị cấm trong lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ là hành vi quy định tại Điều 16, Luật đấu thầu.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của Nhà cung cấp dịch vụ.

Nhà cung cấp dịch vụ là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật;

5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC, khảo sát hiện trạng thiết bị.

1. Làm rõ HSYC.

Trong trường hợp cần làm rõ HSYC, Nhà cung cấp dịch vụ phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến Bên mời cung cấp dịch vụ muộn nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày phát hành HSYC. Khi nhận được đề nghị làm rõ HSYC của Nhà cung cấp dịch vụ, Bên mời cung cấp dịch vụ sẽ có văn bản trả lời gửi cho Nhà cung cấp dịch vụ có yêu cầu làm rõ và tất cả các Nhà cung cấp dịch vụ khác đã mua hoặc nhận HSYC từ Bên mời cung cấp dịch vụ, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên Nhà cung cấp dịch vụ đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC thì Bên mời cung cấp dịch vụ tiến hành sửa đổi HSYC theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi HSYC.

Trường hợp sửa đổi HSYC, Bên mời cung cấp dịch vụ sẽ gửi quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi đến tất cả các Nhà cung cấp dịch vụ đã nhận HSYC không muộn hơn ngày 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng HSDX, trường hợp không đủ 03 ngày làm việc thì Bên mời cung cấp dịch vụ phải gia hạn thời điểm đóng HSDX tương ứng.

Nhằm giúp Nhà cung cấp dịch vụ có đủ thời gian để sửa đổi HSDX, Bên mời cung cấp dịch vụ có thể gia hạn thời điểm đóng HSDX quy định tại khoản 1 Mục 11, Chương I - Chỉ dẫn

Nhà cung cấp dịch vụ bằng việc sửa đổi HSYC.

3. Khảo sát hiện trạng thiết bị.

Nhà cung cấp dịch vụ được phép khảo sát hiện trạng thiết bị để phục vụ việc lập HSYC. Các chi phí, rủi ro trong quá trình khảo sát hiện trường do Nhà cung cấp dịch vụ tự chi trả. Nhà cung cấp dịch vụ cần liên hệ trước với Bên mời cung cấp dịch vụ để được bố trí tiếp cận hiện trường theo yêu cầu.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào hàng.

1. Nhà cung cấp dịch vụ phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào hàng.
2. Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là Việt nam đồng (VNĐ).
3. HSDX cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSDX được trao đổi giữa Bên mời cung cấp dịch vụ và Nhà cung cấp dịch vụ phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu, catalog kỹ thuật bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời cung cấp dịch vụ có thể yêu cầu Nhà cung cấp dịch vụ gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của HSDX.

HSDX do Nhà cung cấp dịch vụ chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số HS02-2;
2. Bản cam kết thực hiện gói dịch vụ theo Mẫu số HS02-7;
3. Bảo lãnh tham dự gói cung cấp theo mẫu HS02-4 bảo lãnh tham dự gói cung cấp.
4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của Nhà cung cấp dịch vụ và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của Nhà cung cấp dịch vụ.
5. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số HS02-5;
6. Các nội dung khác (nếu có).

Mục 7. Giá chào và giảm giá.

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói dịch vụ (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSYC.

2. Nhà cung cấp dịch vụ phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong cột “Mô tả công việc mời thầu” tại Bảng tổng hợp giá chào quy định tại Mẫu số HS02-5.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà Nhà cung cấp dịch vụ không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là Nhà cung cấp dịch vụ đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói dịch vụ, Nhà cung cấp dịch vụ phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong HSYC và không được chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

3. Trường hợp Nhà cung cấp dịch vụ có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Thư giảm giá sẽ được Bên mời cung cấp dịch vụ bảo quản như một phần của HSDX và được mở đồng thời cùng HSDX của Nhà cung cấp dịch vụ; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSDX và không được ghi vào biên bản mở HSDX thì không có giá trị.

4. Giá chào của Nhà cung cấp dịch vụ phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có). Trường hợp Nhà cung cấp dịch vụ tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDX của Nhà cung cấp dịch vụ sẽ bị loại.



Mục 8. Thời gian có hiệu lực của HSDX.

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX là 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng HSDX, HSDX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, Bên mời cung cấp dịch vụ có thể đề nghị các Nhà cung cấp dịch vụ gia hạn hiệu lực của HSDX đồng thời yêu cầu Nhà cung cấp dịch vụ gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm tham dự gói cung cấp. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu Nhà cung cấp dịch vụ không chấp nhận việc gia hạn thì HSDX của Nhà cung cấp dịch vụ này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này Nhà cung cấp dịch vụ được nhận lại bảo đảm tham dự gói cung cấp. Nhà cung cấp dịch vụ chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX.

Mục 9. Bảo đảm tham dự gói dịch vụ:

1. Nhà cung cấp dịch vụ phải thực hiện biện pháp bảo đảm tham dự gói cung cấp trước thời điểm đóng HSDX theo một trong các hình thức: đặt cọc hoặc thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp sử dụng thư bảo lãnh thì phải áp dụng theo Mẫu thư bảo lãnh theo quy định tại HSYC này hoặc một Mẫu thư bảo lãnh khác nhưng phải bao gồm đầy đủ nội dung cơ bản của bảo lãnh tham dự gói dịch vụ.

2. Nội dung và hiệu lực của bảo đảm tham dự gói dịch vụ.

a) Giá trị và đồng tiền bảo đảm tham dự gói dịch vụ: 8.000.000 đồng.

b) Thời gian có hiệu lực của bảo đảm tham dự gói dịch vụ: 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng HSDX cộng thêm 30 ngày.

3. Bảo đảm tham dự gói dịch vụ được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: Có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại khoản 2 Mục này, không đúng tên Bên mời cung cấp dịch vụ (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời cung cấp dịch vụ, chủ đầu tư.

4. Việc hoàn trả, không được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm tham dự gói dịch vụ thực hiện theo quy định nêu tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 14 Luật đấu thầu và Khoản 7, Khoản 8, Điều 43 Nghị định 24/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

Mục 10. Quy cách HSDX.

1. Nhà cung cấp dịch vụ phải chuẩn bị 01 bản gốc cùng 01 bản chụp HSDX, đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDX trong thời gian cho phép của gói dịch vụ thì Nhà cung cấp dịch vụ phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDX đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”.

2. Túi đựng HSDX, HSDX sửa đổi, HSDX thay thế của Nhà cung cấp dịch vụ phải được niêm phong và ghi rõ tên gói dịch vụ, tên Nhà cung cấp dịch vụ, tên Bên mời cung cấp dịch vụ.

Bên mời cung cấp dịch vụ có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSDX của Nhà cung cấp dịch vụ.

3. Nhà cung cấp dịch vụ phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng Nhà cung cấp dịch vụ thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng Nhà cung cấp dịch vụ thì HSDX của Nhà cung cấp dịch vụ bị loại.

4. Tất cả các thành phần của HSDX nêu tại Mục 6 Chương I - Chỉ dẫn Nhà cung cấp dịch vụ phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp dịch vụ và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền).

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDX.

1. Nhà cung cấp dịch vụ nộp trực tiếp hoặc gửi HSDX theo đường bưu điện đến địa chỉ của Bên mời cung cấp dịch vụ nhưng phải đảm bảo Bên mời cung cấp dịch vụ nhận được trước thời điểm đóng HSDX là 14 giờ 00 ngày 23 tháng 10 năm 2026.

2. Bên mời cung cấp dịch vụ sẽ tiếp nhận HSDX của tất cả Nhà cung cấp dịch vụ nộp HSDX trước thời điểm đóng HSDX, kể cả trường hợp Nhà cung cấp dịch vụ chưa mua hoặc chưa nhận HSYC trực tiếp từ Bên mời cung cấp dịch vụ. Trường hợp chưa mua HSYC thì Nhà cung cấp dịch vụ phải trả cho Bên mời cung cấp dịch vụ một khoản tiền bằng giá bán HSYC khi HSDX được tiếp nhận. Trường hợp Nhà cung cấp dịch vụ nộp HSDX sau thời điểm đóng HSDX thì HSDX bị loại và được trả lại nguyên trạng cho Nhà cung cấp dịch vụ.

3. Sau khi nộp, Nhà cung cấp dịch vụ có thể rút lại HSDX bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp dịch vụ đến Bên mời cung cấp dịch vụ trước thời điểm đóng HSDX.

Trước thời điểm đóng HSDX, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSDX thì Nhà cung cấp dịch vụ nộp HSDX thay thế hoặc HSDX sửa đổi cho Bên mời cung cấp dịch vụ với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I - Chỉ dẫn Nhà cung cấp dịch vụ.

Mục 12. Mở HSDX.

1. Bên mời cung cấp dịch vụ tiến hành mở công khai HSDX của các Nhà cung cấp dịch vụ vào lúc 15 giờ 00 ngày 23 tháng 10 năm 2026 tại Văn phòng Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin trước sự chứng kiến của các Nhà cung cấp dịch vụ tham dự lễ mở HSDX. Việc mở HSDX không phụ thuộc vào sự vắng mặt của đại diện Nhà cung cấp dịch vụ tham dự chào hàng.

2. Việc mở HSDX được thực hiện đối với từng HSDX theo thứ tự chữ cái tên của Nhà cung cấp dịch vụ và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc HSDX và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên Nhà cung cấp dịch vụ, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDX, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị của bảo đảm

tham dự gói cung cấp, thời gian có hiệu lực của bảo đảm tham dự gói cung cấp và các thông tin khác mà Bên mời cung cấp dịch vụ thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở HSDX mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của Bên mời cung cấp dịch vụ phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảo đảm tham dự gói cung cấp, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói dịch vụ. Bên mời cung cấp dịch vụ không được loại bỏ bất kỳ HSDX nào khi mở HSDX, trừ các HSDX nộp sau thời điểm đóng HSDX.

3. Bên mời cung cấp dịch vụ phải lập biên bản mở HSDX trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở HSDX phải được ký xác nhận bởi đại diện của Bên mời cung cấp dịch vụ và các Nhà cung cấp dịch vụ tham dự lễ mở HSDX. Việc thiếu chữ ký của Nhà cung cấp dịch vụ trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở HSDX sẽ được gửi cho tất cả các Nhà cung cấp dịch vụ tham dự gói cung cấp.

Mục 13. Làm rõ HSDX.

1. Sau khi mở HSDX, Nhà cung cấp dịch vụ có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của Bên mời cung cấp dịch vụ.

2. Nhà cung cấp dịch vụ được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình đến Bên mời cung cấp dịch vụ trước ngày tháng 10 năm 2026. Bên mời cung cấp dịch vụ có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của Nhà cung cấp dịch vụ để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDX.

3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của Nhà cung cấp dịch vụ, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 14. Đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng.

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Nhà cung cấp dịch vụ có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp đồng.

2. Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các tài liệu sau: báo cáo đánh giá HSDX; HSDX và các tài liệu làm rõ HSDX (nếu có) của Nhà cung cấp dịch vụ; HSYC.

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng như sau:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung Nhà cung cấp dịch vụ đã chào theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC;

b) Trong quá trình đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện hạng mục công việc, khối lượng mời thầu nêu trong Bảng tổng hợp giá chào thiếu so với Bảng tiên lượng thì Bên mời cung cấp dịch vụ yêu cầu Nhà cung cấp dịch vụ bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong HSDX chưa có đơn giá thì Bên mời cung cấp dịch vụ có quyền xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với Bảng tiên lượng của Bên mời cung cấp dịch vụ hoặc đơn giá của Nhà cung cấp dịch vụ khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói dịch vụ;

c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong HSDX của Nhà

cung cấp dịch vụ không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá tham dự gói cung cấp thấp nhất trong số các HSDX của Nhà cung cấp dịch vụ khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất Nhà cung cấp dịch vụ này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.

4. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSYC và HSDX, giữa các nội dung khác nhau trong HSDX có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các sai lệch do Nhà cung cấp dịch vụ phát hiện và đề xuất trong HSDX (nếu có);

c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói dịch vụ;

d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia tiến hành thương thảo để hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và thống nhất các điều kiện như giảm giá, các điều kiện khác còn thiếu trong HSYC,... Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời cung cấp dịch vụ báo cáo chủ đầu tư /người có thẩm quyền xem xét, quyết định mời Nhà cung cấp dịch vụ xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

Mục 15. Điều kiện xét duyệt Nhà cung cấp dịch vụ được lựa chọn.

Nhà cung cấp dịch vụ được xem xét, đề nghị lựa chọn khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;

2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

4. Có sai lệch không quá 10% giá chào;

5. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá thấp nhất;

6. Có giá dịch vụ đề xuất không vượt dự toán gói dịch vụ được chủ đầu tư/người có thẩm quyền phê duyệt.

Mục 16. Thông báo kết quả lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ.

1. Kết quả lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ sẽ được gửi đến tất cả Nhà cung cấp dịch vụ tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax, email.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ, nếu Nhà cung cấp dịch vụ không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, Bên mời cung cấp dịch vụ sẽ có văn bản trả lời gửi cho Nhà cung cấp dịch vụ.

Mục 17. Điều kiện ký kết hợp đồng.

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDX của Nhà cung cấp dịch vụ được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Nhà cung cấp dịch vụ được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói dịch vụ. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến

hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp dịch vụ, nếu vẫn đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói dịch vụ thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Trường hợp thực tế Nhà cung cấp dịch vụ không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSYC thì chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với Nhà cung cấp dịch vụ. Khi đó, chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ và mời Nhà cung cấp dịch vụ xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Chủ đầu tư, người có thẩm quyền phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói dịch vụ theo đúng tiến độ.

Mục 18. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, Nhà cung cấp dịch vụ được lựa chọn phải cung cấp 01 bản bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc ngân hàng/chi nhánh ngân hàng được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc với giá trị và nội dung theo quy định tại Điều 8 Dự thảo hợp đồng (Mẫu số HS02-8) ban hành kèm HSYC này. Trường hợp Nhà cung cấp dịch vụ sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải lập theo Mẫu số HS02-9 hoặc một mẫu khác được chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà cung cấp dịch vụ không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 19. Giải quyết kiến nghị trong lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ.

1. Nhà cung cấp dịch vụ có quyền kiến nghị (bằng văn bản) về kết quả lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng. Trong thời hạn 5 ngày kể từ khi nhận được văn bản kiến nghị, Bên mời cung cấp dịch vụ phải mời Nhà cung cấp dịch vụ đến làm việc để giải đáp hoặc đàm phán các nội dung kiến nghị.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị: Phòng Kế hoạch Công ty CP Than Hà Tu – Vinacomin

Địa chỉ: Khu phố 6, Phường Hà Tu, Thành phố Quảng Ninh.

Điện thoại: 02033 835 169; Số fax: 02033 836 120.



Chương II. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI DỊCH VỤ

Mục 1. Giới thiệu về gói dịch vụ.

Bên mời cung cấp dịch vụ giới thiệu các thông tin cơ bản như sau:

1.1 Thông tin về tài sản:

TT	Trung tu máy bơm 630 số 9	Thông tin về thiết bị
-	Tên đăng ký theo sổ kế toán	Máy bơm 630 số 9
-	Kiểu máy	Bơm ly tâm, dạng vỏ tách 2 nửa, trục ngang
-	Ngày sử dụng	29/12/2012
-	Lần trung tu:	03

1.2 Mô tả tình trạng kỹ thuật của thiết bị;

1-Tình trạng chung của kỹ thuật thiết bị :

Máy bơm qua các kỳ sản xuất, đã phát sinh hiện tượng giảm lưu lượng và chiều cao đẩy, rò rỉ thẩm thấu nước tại một số vị trí, hoạt động rung, tiếng ồn lớn. Máy bơm sau trung tu đã được huy động bơm thoát nước cuối năm 2024, năm 2025 và năm 2026.

2. Tình trạng kỹ thuật của các cụm (các hệ thống) chính :

2.1- Cụm trục bơm.

Gồm các chi tiết trục, bạc trục, vòng bi...hiện đã gỉ sét, rỉ bề mặt do sự ăn mòn vật liệu theo thời gian sau quá trình làm việc và tác động của môi trường nước bơm.

2.2-Cụm cánh bơm.

Gồm các chi tiết cánh bơm, vành chặn, vành mòn cổ hút, bạc tết... hiện đã gỉ sét, rỉ bề mặt do sự ăn mòn vật liệu theo thời gian sau quá trình làm việc và tác động của môi trường nước bơm.

2.3-Thân vỏ trên (buồng bơm phía trên).

Rò rỉ nước tại nóc thân trên, hiện đã gỉ sét, rỉ bề mặt do sự ăn mòn vật liệu theo thời gian sau quá trình làm việc và tác động của môi trường nước bơm.

2.4-Thân vỏ dưới (buồng bơm phía dưới).

Rò rỉ nước tại cửa hút, cửa đẩy, nứt xé một số vị trí, hiện đã gỉ sét, rỉ bề mặt do sự ăn mòn vật liệu theo thời gian sau quá trình làm việc và tác động của môi trường nước bơm.

1.3 Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị sau khi sửa chữa:

TT	Tên thông số	Nội dung yêu cầu của bên mời nhà cung cấp	Mức độ đáp ứng của nhà cung cấp
1	2	3	4
I	Về phạm vi thực hiện		
1.1	Sửa chữa máy bơm 630 số 9	Đảm bảo các thông số theo yêu cầu kỹ thuật.	
1.2	Cung cấp vật tư, thiết bị	- Cung cấp vật tư, thiết bị theo đúng chủng loại để phục vụ lắp đặt được với máy bơm LT630-185 số 9 - Các chi tiết thay mới phải được làm bằng vật liệu phù hợp tiêu chuẩn JIS G 5121:2003, JIS G 5501:1995, JIS G 5502:2007 (Giấy chứng nhận phải đính kèm HSDT) - Vật tư, thiết bị được sản xuất chế tạo trong nước hoặc nhập khẩu mới 100%.	Đáp ứng (đạt). Không đáp ứng (không đạt)
II	Về đặc tính kỹ thuật:		
1	Vỏ bơm (Thân trên)	Hàn phục hồi bằng que hàn Niken, gia công đạt kích thước thiết kế ban đầu	Đáp ứng (đạt). Không đáp ứng (không đạt)
2	Vỏ bơm (Thân dưới)	Sử dụng Vật liệu Inox SCS 13, đúc mới 100% đạt kích thước phù hợp lắp ghép với phần thân trên.	Đáp ứng (đạt). Không đáp ứng (không đạt)
3	Trục bơm	Phục hồi về kích thước ban đầu	Đáp ứng (đạt). Không đáp ứng (không đạt)
4	Cánh bơm hút	Phục hồi về kích thước ban đầu	Đáp ứng (đạt). Không đáp ứng (không đạt)
5	Cánh bơm đẩy	Chế tạo mới bằng thép không gỉ SUS304, cân bằng động	Đáp ứng (đạt). Không đáp ứng (không đạt)
6	Vành chia nước	Thay mới bằng thép không gỉ SUS304	Đáp ứng (đạt). Không đáp ứng (không đạt)
7	Vành chặn nước	Thay mới bằng thép không gỉ SUS304	Đáp ứng (đạt). Không đáp ứng (không đạt)
8	Bạc tết	Thay mới bằng thép không gỉ SUS304	Đáp ứng (đạt). Không đáp ứng (không đạt)
9	Gối đỡ	Thay mới bằng gang xám FC200	Đáp ứng (đạt). Không đáp ứng (không đạt)
10	Khớp nối bơm	Sửa chữa, gia công lại lỗ bắt bu lông	Đáp ứng (đạt). Không đáp ứng (không đạt)

TT	Tên thông số	Nội dung yêu cầu của bên mời nhà cung cấp	Mức độ đáp ứng của nhà cung cấp
11	Bu lông khớp nối	Thay mới bu lông vật liệu S45C	Đáp ứng (đạt). Không đáp ứng (không đạt)
12	Ecu chặn cánh M95	Thay mới bằng thép không gỉ SUS304	Đáp ứng (đạt). Không đáp ứng (không đạt)
13	Ecu chặn bi M80	Thay mới bằng thép không gỉ SUS304	Đáp ứng (đạt). Không đáp ứng (không đạt)
14	Nắp chặn bi	Thay mới bằng gang xám FC200	Đáp ứng (đạt). Không đáp ứng (không đạt)
15	Bạc chặn bi	Thay mới bằng thép không gỉ SUS304	Đáp ứng (đạt). Không đáp ứng (không đạt)
16	Vòng bi 6316 2Z/C3	Thay mới vòng bi SKF6316 2Z-C3	Đáp ứng (đạt). Không đáp ứng (không đạt)
17	Nắp ép tết	Thay mới bằng thép không gỉ SUS304	Đáp ứng (đạt). Không đáp ứng (không đạt)
18	Vành dẫn nước làm mát tết bơm	Thay mới bằng thép không gỉ SUS304	Đáp ứng (đạt). Không đáp ứng (không đạt)
19	Vòng căn $\Phi 96 \times \Phi 120 \times 20$	Thay mới bằng thép không gỉ SUS304	Đáp ứng (đạt). Không đáp ứng (không đạt)
20	Bạc $\Phi 80 \times \Phi 90 \times 60$	Thay mới bằng thép không gỉ SUS304	Đáp ứng (đạt). Không đáp ứng (không đạt)
21	Bộ làm mát cân bằng áp	Thay mới	Đáp ứng (đạt). Không đáp ứng (không đạt)
22	Tết bơm $\Phi 18$	Thay mới	Đáp ứng (đạt). Không đáp ứng (không đạt)
III	Kiểm tra chạy thử thiết bị		
1	Kiểm tra chạy thử	Thiết bị phải được chạy thử, kiểm tra lưu lượng, cột áp, công suất động cơ và các đặc tính kỹ thuật khác theo đúng tỷ lệ 1/1 tại bể thử nghiệm phù hợp tiêu chuẩn ISO 9222-2012 (Giấy chứng nhận phải đính kèm HSDX) với sự chứng kiến của chủ đầu tư	Đáp ứng (đạt). Không đáp ứng (không đạt)
IV	Bảo hành thiết bị	06 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu bàn giao sau trung tu.	Đáp ứng (đạt). Không đáp ứng (không đạt)

Mục 2. Yêu cầu về tiến độ.

Nhà cung cấp dịch vụ sửa chữa hoàn thành Trung tu Máy bơm 630 số 9 trong vòng 30 ngày kể từ ngày bàn giao thiết bị đi trung tu (Không bao gồm ngày nghỉ lễ theo quy định của Nhà nước và chủ nhật).

Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật.

- Quy định phương thức nghiệm thu vật tư, phụ tùng trước khi đưa vào sửa chữa:
 - Cung cấp vật tư thay thế, sửa chữa phục hồi đúng chủng loại theo yêu cầu của Bên mời cung cấp dịch vụ. Đối với các vật tư thay mới không yêu cầu hàng chính hãng nhà cung

có thể đề xuất các danh điểm tương đương nhưng các vật tư phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng để lắp ghép cho từng chủng loại của thiết bị.

- Vật tư, thiết bị mới được thay thế hàng trong nước sản xuất hoặc nhập khẩu mới theo Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh/Hồ sơ đề xuất. Đối với vật tư nhập khẩu phải nêu rõ nguồn gốc xuất xứ, và phải có giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ (C/O) và chất lượng vật tư (C/Q).

- Những chi tiết vật tư mới được thay thế trước khi lắp ghép lên thiết bị phải được thông báo cho Tổ giám định kỹ thuật của Bên mời Nhà cung cấp dịch vụ đến kiểm tra đảm bảo yêu cầu mới được tổ chức lắp ghép.

- Nhà cung cấp dịch vụ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc xuất xứ vật tư phục vụ công tác sửa chữa thiết bị.

2. Quy định chế độ nghiệm thu các cụm, hệ thống; nghiệm thu chạy thử thiết bị không tải, có tải và nghiệm thu bàn giao thiết bị sau khi hoàn thành (phương pháp kiểm tra, đánh giá; yêu cầu chất lượng hoặc/và các chỉ tiêu thông số kỹ thuật vận hành đạt yêu cầu).

- Các chi tiết, cụm chi tiết sau khi phục hồi sửa chữa, Nhà cung cấp dịch vụ phải tổ chức kiểm tra, nghiệm thu có Biên bản xác định trạng thái kỹ thuật, các thông số chủ yếu theo quy định. Ghi rõ thông số đạt được. Chỉ được lắp các tổ hợp các chi tiết, các cụm đã được sửa chữa đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật. Có trách nhiệm tổ chức Nghiệm thu các cụm/tổng thành trước khi lắp lên thiết bị (đối với những cụm, tổng thành có thể hoạt động riêng biệt)

- Sau khi thiết bị sửa chữa xong Nhà cung cấp dịch vụ thông báo cho Bên mời cung cấp dịch vụ trước 3 ngày để làm các bước nghiệm thu; Lập các biên bản nghiệm thu theo quy định, biên bản nghiệm thu không tải, có tải, kết quả đạt được ghi trong biên bản đạt tiêu chuẩn vận hành của nhà sản xuất quy định.

- Nhà cung cấp dịch vụ phải tuân thủ theo các yêu cầu kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật thể hiện trên Quy trình kỹ thuật. Ngoài ra, nhà cung cấp dịch vụ còn phải thực hiện các công việc cần thiết trong quá trình sửa chữa theo quy định bao gồm tổ chức thi công, giám sát, nghiệm thu, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, huy động thiết bị, kiểm tra, giám sát chất lượng và các yêu cầu khác (nếu có).

3. Quy định thời hạn bảo hành và cách thức thực hiện chế độ bảo hành khi xảy ra sai sót sau khi thiết bị sửa chữa xong đưa vào hoạt động:

- Thiết bị được bảo hành 6 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu và bàn giao thiết bị sau trung tu. Nhà cung cấp dịch vụ có trách nhiệm bảo hành thiết bị sau khi bàn giao cho Bên mời cung cấp dịch vụ. Nội dung bảo hành gồm khắc phục, sửa chữa những khiếm khuyết, hư hỏng, khi thiết bị vận hành, sử dụng bình thường không do lỗi của nhà cung cấp dịch vụ gây ra.

- Trong thời gian bảo hành, bên B có trách nhiệm theo dõi và sửa chữa miễn phí những sự cố hư hỏng thuộc phạm vi và nội dung bảo hành ngay sau khi nhận được thông báo của bên A.

- Thời gian sửa chữa bảo hành được xác định bằng biên bản giám định kỹ thuật giữa hai bên theo từng nội dung. Tổng thời gian sửa chữa bảo hành thiết bị không quá 05 ngày (15 ca).

- Trong thời gian bảo hành, nếu thiết bị gặp sự cố phải sửa chữa, phòng CV và đơn vị quản lý thiết bị bên A cùng bên B tiến hành lập biên bản sửa chữa. Kết thúc thời gian bảo hành phòng CV tổng hợp xác nhận số lần sửa chữa, chất lượng sửa chữa và thời gian bảo hành (có biên bản) gửi về phòng KH làm cơ sở thanh lý hợp đồng.

- Trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian bảo hành, bên B phải có nghĩa vụ phối hợp cùng bên A lập biên bản xác nhận kết thúc thời gian bảo hành. Trường hợp trong thời gian trên, bên B không phối hợp hoặc không có văn bản yêu cầu bên A lập biên bản bảo hành (kết thúc bảo hành/thực hiện nghĩa vụ bảo hành) thì bên A có quyền từ chối thanh toán giá trị còn lại của hợp đồng (trừ trường hợp do lỗi của bên A).

- Bên B bị phạt do chậm thực hiện công tác bảo hành trong các trường hợp sau:

+ Quá 24 giờ mà bên B không có mặt tại bên A kể từ thời điểm bên B nhận được yêu cầu (bằng văn bản/điện thoại) bảo hành của bên A.

+ Thực hiện tổng thời gian sửa chữa bảo hành quá 05 ngày (15 ca) đối với thiết bị sau trung tu.

Giá trị phạt do chậm thực hiện việc bảo hành là 532.000 đồng/ca nhưng không quá 07 ngày (21 ca).

- Trường hợp chậm quá 07 ngày (21 ca) được hiểu là bên B không thực hiện công tác bảo hành thì bên A sẽ lập biên bản ghi rõ tình trạng hư hỏng, phương án sửa chữa và tổ chức tự sửa chữa hoặc thuê tổ chức khác sửa chữa. Bên B phải bồi hoàn cho bên A toàn bộ chi phí này.

- Nhà cung cấp dịch vụ phải tuân thủ theo các yêu cầu kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật thể hiện trên Quy trình kỹ thuật. Ngoài ra, Nhà cung cấp dịch vụ còn phải thực hiện các công việc cần thiết trong quá trình sửa chữa theo quy định bao gồm tổ chức thi công, giám sát, nghiệm thu, thử nghiệm, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, huy động thiết bị, kiểm tra, giám sát chất lượng và các yêu cầu khác (nếu có).

Mục 4. Bảng tiên lượng khối lượng.

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
I	Vật tư chính						
1	Thân trên vỏ bơm	Cái	830x950x500m m; Trọng Lượng: 540 Kg	Phục hồi		1	
-	Que hàn Niken	Kg		Vật liệu PVSC	15		
-	Bả composite	Hộp		Vật liệu PVSC	2		
2	Thân dưới vỏ bơm	Kg	1300x1200x540 mm, vật liệu Inox SUS316 Trọng lượng: 860 Kg, Dh=300mm, Dx=250mm	Thay mới	1		
3	Trục bơm	Kg	Φ106x1420mm, Inox SUS316	Phục hồi		1	
4	Cánh bơm hút	Cái	D520xD106x34 mm, vật liệu Inox SUS316	Thay mới	1		
5	Cánh bơm đẩy	Cái	D520xD106x34 mm, vật liệu Inox SUS316	Thay mới	1		
6	Vành chia nước	Cái	Inox SUS 304	Thay mới	2		
7	Vành chặn nước	Cái	Inox SUS 304	Thay mới	2		
8	Bu lông khớp nối	Cái	S5, S45C	Thay mới	10		
9	Êcu chặn cánh M95	Cái	M95x2x50, Inox SUS316	Thay mới	2		
10	Êcu chặn bi M80	Cái	M80x2x20, Inox SUS316	Thay mới	2		
11	Nắp chặn bi	Cái	D250xD170x40 mm, Gang FC200	Thay mới	2		

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
12	Vòng bi	Cái	6316-C3	Thay mới	2		
13	Nắp ép tết	Vòng	D160xD106x24 mm, Inox SUS316	Thay mới	2		
14	Phốt chặn dầu	Cái	D90xD120x12mm	Thay mới	3		
15	Tết bơm	Vòng	Ø18mm	Thay mới	12		
16	Vành mòn dẫn nước làm mát tết bơm	Cái	D160xD106x45 mm, Inox SUS316	Thay mới	2		
17	Vòng căn	Cái	Ø96x Ø120x20	Thay mới	2		
18	Ê cu khóa khớp nối trục bơm M72	Cái	M72x2x20, Inox SUS316	Thay mới	1		
19	Khóa hãm trục bơm	Cái	Ø78x2	Thay mới	1		
20	Then hãm cánh bơm	Cái	28x185mm, Inox SUS316	Thay mới	1		
21	Then hãm bạc tết bơm	Cái	14x35mm, Inox SUS316	Thay mới	2		
22	Then khớp nối trục bơm	Cái	24x100mm, Inox SUS316	Thay mới	1		
23	Gioăng cao su	Cái	Ø3x108	Thay mới	2		
24	Bu lông nắp gối	Bộ	M12x50	Thay mới	3		
25	Nắp bịt gối đỡ đuôi	Bộ	Ø125x20	Thay mới	1		
26	Bu lông nắp bịt gối đỡ đuôi	Bộ	M12x35, S45C	Thay mới	1		
II	Vật tư phụ						
1	Dầu Diezen	Lít		Vật liệu PVSC	15		
2	Que hàn K7018	Kg	K7018	Vật liệu PVSC	20		

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
4	Dầu nhờn	Lít	CS46	Vật liệu PVSC	10		
5	Mỡ tra ổ bi	Kg	L3	Vật liệu PVSC	5		
6	Giẻ lau	Kg		Vật liệu PVSC	10		
7	Băng dính trắng to	Cuộn		Vật liệu PVSC	2		
8	Sơn chống rỉ	Kg		Vật liệu PVSC	3		
9	Sơn màu xanh	Kg		Vật liệu PVSC	4		
10	Bìa amiang	Kg	1mm	Vật liệu PVSC	2		
11	Dung môi pha sơn	Lít		Vật liệu PVSC	5		
12	Con lăn sơn nhỏ	Cái		Vật liệu PVSC	4		

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX.

1.1. Kiểm tra HSDX

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDX theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I - Chỉ dẫn Nhà cung cấp dịch vụ;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSDX.

HSDX của Nhà cung cấp dịch vụ được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDX;
- b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp dịch vụ ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC;
- c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC;
- d) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời cung cấp dịch vụ;
- đ) Thời gian có hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I - Chỉ dẫn Nhà cung cấp dịch vụ;
- e) Có bảo đảm tham dự gói cung cấp đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 9 Chương I - Chỉ dẫn Nhà cung cấp dịch vụ;
- g) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX với tư cách là Nhà cung cấp dịch vụ chính (Nhà cung cấp dịch vụ độc lập hoặc thành viên trong liên danh);
- h) Nhà cung cấp dịch vụ bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I - Chỉ dẫn Nhà cung cấp dịch vụ.

Nhà cung cấp dịch vụ có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm.

- Đối với gói dịch vụ áp dụng chào hàng cạnh tranh thông thường, không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của mục này nhưng nhà cung cấp dịch vụ tham dự phải nộp bản cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm (Mẫu số HS02-7) để thực hiện gói dịch vụ (nội dung về cam kết được thực hiện nộp cùng với đơn tham dự khi nộp Hồ sơ đề xuất), trong trường hợp này, nhà cung cấp dịch vụ không phải cung cấp tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân lực, thiết bị công tác.

Nhà cung cấp dịch vụ được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm nếu thỏa mãn yêu cầu quy định tại bảng sau:

2.2.1 Nhân sự: Không yêu cầu.

2.2.2 Yêu cầu về thiết bị:

Stt	Loại thiết bị	Tính năng	Số lượng tối thiểu cần có
1	Máy khoan cần	Cần khoan 1500mm	1
2	Máy tiện ngang	Tiện ngang chi tiết đường kính 630mm	1
3	Máy hàn điện	Hàn điện 3pha que hàn hồ quang	1
4	Máy nén khí	Thể tích bình chứa 1000lít, áp suất 10bar	1
5	Cầu trục 5 tấn	Cầu di chuyển phục vụ sửa chữa thiết bị	1
6	Lò điện	Đúc mới, PH các chi tiết	1

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Nhà cung cấp dịch vụ phải nộp bản cam kết về việc tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung công việc, cung cấp vật tư, phụ tùng đúng quy cách đã chào và thực hiện đầy đủ các quy định về tiến độ, chế độ bảo hành nêu trong HSYC. Khi đó Bên mời cung cấp dịch vụ mới tiến hành các bước tiếp theo xét hồ sơ chào giá..

Mục 4. Xác định giá chào.

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng Nhà cung cấp dịch vụ. HSDX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” Nhà cung cấp dịch vụ không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là Nhà cung cấp dịch vụ đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác, Nhà

cung cấp dịch vụ phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSYC;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời cung cấp dịch vụ cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá Nhà cung cấp dịch vụ chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo chi tiết các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDX của Nhà cung cấp dịch vụ có sai lệch.

Trường hợp một hạng mục trong HSDX của Nhà cung cấp dịch vụ có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các HSDX của Nhà cung cấp dịch vụ khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDX của các Nhà cung cấp dịch vụ vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một Nhà cung cấp dịch vụ duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDX của Nhà cung cấp dịch vụ này; trường hợp HSDX của Nhà cung cấp dịch vụ không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch. Khi đó Bên mời thầu phải xin ý kiến của người có thẩm quyền để giải quyết tình huống;

b) Trường hợp Nhà cung cấp dịch vụ có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

Mẫu số HS02-2

ĐƠN CHÀO HÀNG CẠNH TRANH⁽¹⁾

Ngày: ____ [Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]

Tên gói dịch vụ: ____ [Ghi tên gói dịch vụ theo thông báo mời chào hàng]

Thuộc kế hoạch: Sửa chữa tài sản cố định năm 2025.

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của Bên mời cung cấp dịch vụ]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số ____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [Ghi tên Nhà cung cấp dịch vụ], có địa chỉ tại ____ [Ghi địa chỉ của Nhà cung cấp dịch vụ] cam kết thực hiện gói dịch vụ ____ [Ghi tên gói dịch vụ] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói dịch vụ]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đề xuất này với tư cách là Nhà cung cấp dịch vụ chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói dịch vụ này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp dịch vụ⁽⁶⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp dịch vụ lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời cung cấp dịch vụ, Nhà cung cấp dịch vụ, thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất, được đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp dịch vụ ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, Bên mời cung cấp dịch vụ.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương II - Yêu cầu đối với gói dịch vụ.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của HSYC.

(5) Ghi ngày đóng HSDX theo quy định của HSYC.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp dịch vụ ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số HS02-3.

Mẫu số HS02-3

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp dịch vụ], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên Nhà cung cấp dịch vụ] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của Nhà cung cấp dịch vụ] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia cung cấp gói dịch vụ _ [Ghi tên gói dịch vụ] thuộc Kế hoạch _ [Ghi tên Kế hoạch sửa chữa] do _ [Ghi tên Bên mời cung cấp dịch vụ] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời cung cấp dịch vụ trong quá trình tham dự Nhà cung cấp dịch vụ, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đề xuất;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp Nhà cung cấp dịch vụ có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên Nhà cung cấp

dịch vụ]. ____ [Ghi tên Nhà cung cấp dịch vụ] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
Nhà cung cấp dịch vụ, chức danh, ký tên và
đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời cung cấp dịch vụ cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp dịch vụ cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của Nhà cung cấp dịch vụ để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp dịch vụ thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của Nhà cung cấp dịch vụ hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào hàng.

Mẫu số HS02-4

BẢO LÃNH THAM DỰ GÓI CUNG CẤP

Bên thụ hưởng: ____ [Ghi đầy đủ và chính xác tên, địa chỉ của Bên mời cung cấp dịch vụ]

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ [Ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH THAM DỰ GÓI CUNG CẤP số: ____ [Ghi số trích yếu của Bảo lãnh tham dự gói cung cấp]

Bên bảo lãnh: ____ [Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ____ [Ghi tên Nhà cung cấp dịch vụ] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự chào hàng cạnh tranh để thực hiện gói dịch vụ ____ [Ghi tên gói dịch vụ] thuộc Kế hoạch ____ [Ghi tên Kế hoạch].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà cung cấp dịch vụ tham dự chào hàng cạnh tranh gói dịch vụ này bằng một khoản tiền là ____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo Nhà cung cấp dịch vụ vi phạm từ bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà cung cấp dịch vụ rút HSDX sau thời điểm đóng HSDX và trong thời gian có hiệu lực của HSDX;
2. Nhà cung cấp dịch vụ vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
3. Nhà cung cấp dịch vụ không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời cung cấp dịch vụ, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà cung cấp dịch vụ không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo được lựa chọn gói dịch vụ của Bên mời cung cấp dịch vụ hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà cung cấp dịch vụ không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn gói dịch vụ: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn gói dịch vụ, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà cung cấp

dịch vụ từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm tham dự gói cung cấp là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.*
- (2) Ghi theo quy định tại Chi dẫn Nhà cung cấp dịch vụ.*
- (3) Ghi ngày có thời điểm đóng HSDX theo quy định tại Chi dẫn Nhà cung cấp dịch vụ.*



BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

Khi tham dự gói cung cấp, Nhà cung cấp dịch vụ phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có). Trường hợp Nhà cung cấp dịch vụ tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí thì HSDX của Nhà cung cấp dịch vụ sẽ bị loại.

1- Tổng hợp giá chào.

TT	Yếu tố chi phí	Phương pháp tính	Giá trị (đồng)
1	Nguyên vật liệu.		
2	Nhiên liệu.		
3	Động lực.		
4	Tiền lương:		
	- Lao động trực tiếp		
	- Gián tiếp, phụ vụ, phụ trợ		
5	BHXXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN và KPCĐ.		
6	Khấu hao tài sản.		
7	Chi phí khác.		
I	Giá trị sửa chữa (1÷7).		
II	Lợi nhuận định mức.		
III	Thuế, phí, lệ phí.		
	Tổng hợp giá chào		

Đại diện Nhà cung cấp dịch vụ

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Tổng hợp giá chào trên đã bao gồm chi phí dự phòng 5% (Tổng chi phí từ mục 1 ÷ 7) và thuế, phí, lệ phí theo quy định;
- Các yếu tố chi phí Vật tư vật liệu, Nhân công trực tiếp được kết chuyển từ biểu tính tại Mục 2 và Mục 3 của Phần này.
- Các yếu tố chi phí còn lại được tính toán trên cơ sở các quy định hiện hành;
- Các từ viết tắt BHXXH: Bảo hiểm xã hội; BHYT: Bảo hiểm y tế; BHTN: Bảo hiểm thất nghiệp, BHTNLĐ-BNN: Bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp; KPCĐ: Kinh phí Công đoàn.
- Mẫu Bảng tổng hợp giá chào bao gồm 3 phần: 1 - Tổng hợp giá chào, 2 - Chi phí vật tư vật liệu; 3 - Chi phí nhân công trực tiếp).

2- Chi phí vật tư vật liệu.

TT	Cụm/Hệ thống/ Chi tiết	ĐVT	Danh điểm/ Quy cách	Xuất xứ/Hãng sản xuất	Số lượng SC		Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
					Thay mới	Phục hồi		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Cụm/Hệ thống 1							
1	Chi tiết 1							
2	Chi tiết 2							
3								
II	Cụm/Hệ thống 2							
1	Chi tiết 1							
2	Chi tiết 2							
3								
...	Các chi tiết và vật liệu phụ							
1	Chi tiết 1							
2	Chi tiết 2							
3								
Tổng cộng I+II+...								

Đại diện Nhà cung cấp dịch vụ
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Cột (1) (2) (3) (4) (5) (6) theo số liệu tại bảng tiên lượng khối lượng của Bên mời cung cấp dịch vụ.
- Cột (7) (8) do Nhà cung cấp dịch vụ chào.

3- Chi phí nhân công trực tiếp.

TT	Cụm/Hệ thống/ Chi tiết	Số công	Bậc thợ	Đơn giá tiền lương (đồng/công)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Tiếp nhận, vệ sinh, phân loại, giám định kỹ thuật					
II	Cụm/Hệ thống số 1					
1	Gia công phục hồi					
2	Lắp ráp					
3	Nghiệm thu hiệu chỉnh					
III	Cụm/Hệ thống số 2					
1	Gia công phục hồi					
2	Lắp ráp, hiệu chỉnh					
3	Nghiệm thu hiệu chỉnh					
...	Lắp ráp tổng thể, hiệu chỉnh, chạy thử					
....	Nghiệm thu, bàn giao					
	Tổng cộng I+II+III..					

Đại diện Nhà cung cấp dịch vụ
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Biểu này do Nhà cung cấp dịch vụ lập trên cơ sở các nội dung công việc được xác định tại bảng tiên lượng khối lượng sửa chữa của Bên mời cung cấp dịch vụ.

Mẫu số HS02-6

**BẢNG ĐỀ XUẤT NỘI DUNG VÀ GIÁ CHÀO
NGOÀI KHỐI LƯỢNG MÔ TẢ CỦA HSYC**

Bảng kinh nghiệm và kết quả khảo sát hiện trường, sau khi xem xét cụ thể Thiết bị công nghệ - vật kiến trúc, Nhà cung cấp dịch vụ đề xuất và chào giá một số công việc ngoài khối lượng mô tả trong HSYC của Bên mời cung cấp dịch vụ. Giá chào này đã đầy đủ thuế phí các loại.

Phần khối lượng và giá chào này là cơ sở để các bên xem xét, thương thảo thảo Hợp đồng khi Nhà cung cấp dịch vụ được lựa chọn nhằm mục đích hoàn thiện tốt nhất sản phẩm sau trung đại tu.

STT	Mô tả công việc đề xuất ⁽¹⁾	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật ⁽²⁾	Đơn vị tính ⁽³⁾	Khối lượng ⁽⁴⁾	Đơn giá ⁽⁵⁾	Thành tiền ⁽⁶⁾
I	Hạng mục 1					A
II	Hạng mục 2					B
III	Hạng mục...					...
...						
Giá chào (A + B + ...)						

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp dịch vụ
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Tất cả các cột (1) (2) (3) (4) (5) (6) do Nhà cung cấp dịch vụ tự đề xuất.

Mẫu số HS02-7

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI DỊCH VỤ

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói dịch vụ: _____ [Ghi tên gói dịch vụ theo HSYC]

Thuộc kế hoạch: _____ [Ghi tên kế hoạch của bên mời cung cấp dịch vụ]

Kính gửi: _____ [Điền đầy đủ và chính xác tên của Bên mời cung cấp dịch vụ]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu, văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm hồ sơ yêu cầu do _____ [Ghi tên Bên mời cung cấp dịch vụ] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên Nhà cung cấp dịch vụ], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của Nhà cung cấp dịch vụ] cam kết đã nghiên cứu kỹ các thông tin và sẽ thực hiện gói dịch vụ _____ [Ghi tên gói dịch vụ] theo đúng yêu cầu của Bên mời cung cấp dịch vụ, đảm bảo chất lượng, tiến độ và tuân thủ các quy định về chế độ bảo hành cũng như các yêu cầu khác theo đúng quy định của hồ sơ yêu cầu.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp dịch vụ

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



**DỰ THẢO
HỢP ĐỒNG SỬA CHỮA THIẾT BỊ**

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói dịch vụ: _____ [Ghi tên gói dịch vụ]

Thuộc kế hoạch: _____ [Ghi tên kế hoạch của bên mời cung cấp dịch vụ]

- Căn cứ ² _____ [Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13];

- Căn cứ _____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói dịch vụ mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ gói dịch vụ ____ [Ghi tên gói dịch vụ] và thông báo kết quả lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời cung cấp dịch vụ;

- Căn cứ biên bản thương thảo hợp đồng đã được Bên mời cung cấp dịch vụ và Nhà cung cấp dịch vụ được lựa chọn ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đại diện doanh nghiệp: [Ghi tên Bên mời cung cấp dịch vụ]: (sau đây gọi là Bên A).

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Đại diện Nhà cung cấp dịch vụ [tên Nhà cung cấp dịch vụ được lựa chọn] (sau đây gọi là Bên B).

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____



Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền)
hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng:

Bên A đồng ý thuê Bên B thực hiện sửa chữa cấp trung tu thiết bị.....
theo đúng nội dung trong Hồ sơ đề xuất đã được bên A phê duyệt.

Điều 2. Thành phần hợp đồng:

Thành phần của Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo các phụ lục nếu phát sinh).
2. Biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có).
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng
4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
5. Hồ sơ yêu cầu.
6. Hồ sơ đề xuất.

Điều 3. Trách nhiệm của hai bên:

3.1. Trách nhiệm của bên A

- Phòng Cơ điện - Vận tải của bên A chủ trì tổ chức giao thiết bị để bên B đưa thiết bị vào xưởng thực hiện sửa chữa. Tổ nghiệm thu kỹ thuật bên A cùng bên B tổ chức làm biên bản giải thể bước 2 theo quy định.

- Cử cán bộ, công nhân vận hành có trình độ, trách nhiệm theo dõi, giám sát trong quá trình sửa chữa thiết bị. Cùng bên B xác nhận nội dung thực hiện sửa chữa. Đồng thời giám sát, nghiệm thu các cụm chi tiết trước khi lắp đặt thiết bị.

- Trong quá trình sửa chữa các phế liệu thay ra phòng Cơ Điện – Vận tải kết hợp cùng Tổ đánh giá số lượng và hoàn tất các thủ tục theo đúng quy định của Công ty. Đối với chất thải nguy hại, hai bên thống nhất làm biên bản giao lại cho bên B thu gom, thuê đơn vị có chức năng xử lý theo quy định của pháp luật, Toàn bộ chi phí thu gom, xử lý do bên B chịu trách nhiệm.

- Cùng đơn vị sử dụng theo dõi, xác nhận chất lượng thiết bị trong thời gian bảo hành.

- Tham gia cùng bên B làm các thủ tục sửa chữa thiết bị theo đúng Quyết định số 2506/QĐ-VHTC ngày 27/6/2025 của Công ty CP Than Hà Tu – Vinacomin về việc ban hành Quy định sửa chữa tài sản cố định là thiết bị trong Công ty CP Than Hà Tu – Vinacomin.

3.2. Trách nhiệm của bên B

- Bên B cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung công việc và đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo cam kết nêu trong Hồ sơ đề xuất và sau quá trình sửa chữa đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

- Các cụm chi tiết thay mới phải đúng theo hồ sơ yêu cầu của chủ đầu tư và hồ sơ đề xuất của nhà thầu.

- Trong quá trình triển khai sửa chữa phải lập nhật ký trung tu thiết bị theo mẫu tại Quyết định số 2506/QĐ-VHTC ngày 27/6/2025 của Công ty CP Than Hà Tu – Vinacomin về việc ban hành Quy định sửa chữa tài sản cố định là thiết bị trong Công ty CP Than Hà Tu – Vin.

- Trước khi lắp đặt các cụm chi tiết lên thiết bị phải báo bên A cử cán bộ có trách nhiệm theo dõi, giám sát quá trình lắp đặt.

- Vật tư thay thế để phục vụ sửa chữa là hàng hóa mua trực tiếp từ chính hãng: Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) + Giấy chứng nhận chất lượng (C/Q): Bản gốc hoặc sao y bản chính; hoặc có cam kết của nhà cung cấp chính hãng, kèm theo chứng từ hợp lệ;

- Đối với hàng hóa không mua trực tiếp từ chính hãng: Giấy chứng nhận xuất xứ CO, Giấy chứng nhận chất lượng CQ: Bản gốc hoặc sao y của nhà cung cấp + 01 bản dịch tiếng Việt được công chứng do tổ chức dịch thuật hoạt động hợp pháp tại Việt Nam thực hiện.

- Trường hợp bên B không phải là nhà nhập khẩu (bên B không phải là đơn vị được cấp giấy chứng nhận xuất xứ CO, giấy chứng nhận chất lượng CQ) thì bên B phải cung cấp các hợp đồng nối từ đơn vị được cung cấp giấy chứng nhận xuất xứ CO, giấy chứng nhận chất lượng CQ đến đơn vị sửa chữa đối với vật tư có đơn giá 5.000.000đ trở lên.

- Đối với hàng hóa sản xuất trong nước: Bên B phải có bản cam kết về nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng hàng hóa.

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật nhà nước về nguồn gốc xuất xứ và tính hợp pháp của vật tư là hàng nhập khẩu.

- Bên B có trách nhiệm cung cấp hóa đơn, hợp đồng vật tư, phụ tùng phục vụ sửa chữa thiết bị của Bên A, trong trường hợp có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền để chứng minh nguồn gốc xuất xứ của vật tư, phụ tùng phục vụ sửa chữa thiết bị.

- Trong quá trình sửa chữa các phế liệu thay ra được xác định số lượng tại biên bản thu hồi và trả lại cho bên A. Đối với chất thải nguy hại hai bên thống nhất làm biên bản giao lại cho bên B thu gom, thuê đơn vị có chức năng xử lý theo quy định của pháp luật. Toàn bộ chi phí thu gom, xử lý do bên B chịu trách nhiệm.

- Tham gia cùng bên A làm các thủ tục sửa chữa thiết bị theo đúng quy định tại Quyết định số 2506/QĐ-VHTC ngày 27/6/2025 của Công ty CP Than Hà Tu – Vinacomin về việc ban hành Quy định sửa chữa tài sản cố định là thiết bị trong Công ty CP Than Hà Tu – Vin.

- Các nội dung sửa chữa phải nằm trong nội dung thực tế giải thể kỹ thuật bước 2.

Điều 4. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán:

4.1. Đơn giá hợp đồng: đồng (Bằng chữ:).

Giá trên là giá đã bao gồm chi phí dự phòng: đồng, thuế giá trị gia tăng, phí theo quy định hiện hành của Nhà nước, thuế giá trị gia tăng, phí theo quy định hiện hành của

Nhà nước. Trường hợp chính sách thuế giá trị gia tăng của nhà nước có thay đổi hai bên thống nhất điều chỉnh theo quy định.

Đơn giá chi tiết, các nội dung sửa chữa theo Biên bản thương thảo hợp đồng.

Sau khi giải thể bước 2, trường hợp phát sinh khối lượng, giá trị bên A phê duyệt khối lượng, giá trị phát sinh sau đó thống nhất với bên B, đối với khối lượng phát sinh làm ảnh hưởng đến tiến độ sửa chữa hai bên lập biên bản xác nhận cụ thể thời gian cần thiết để sửa chữa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và làm căn cứ ký phụ lục hợp đồng trước khi thực hiện, nhưng giá trị không vượt quá giá trị Hợp đồng.

Nguyên tắc sử dụng chi phí dự phòng: Chi phí dự phòng được sử dụng trong trường hợp phát sinh khối lượng công việc khi giải thể bước 2 so với khối lượng công việc đã giải thể tại bước 1 và tổng chi phí phát sinh không vượt giá trị dự phòng.

4.2. Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản.

4.3. Hình thức thanh toán:

- Tạm ứng: Không tạm ứng

- Thanh Toán: Bên A thanh toán cho bên B chia thành 02 giai đoạn :

Giai đoạn 1: Bên A thanh toán cho bên B 95% giá trị quyết toán trong vòng 120 ngày kể từ ngày bên A nhận được bộ chứng từ sau:

- + Quyết toán đã được phê duyệt.
- + Hóa đơn giá trị gia tăng của bên B.
- + Biên bản nghiệm thu các cụm sửa chữa.
- + Biên bản nghiệm thu khối lượng sau trung tu.
- + Biên bản nghiệm thu kỹ thuật sau trung tu.
- + Biên bản nghiệm thu chạy thử sau trung tu.
- + Biên bản bàn giao thiết bị sau trung tu.
- + Biên bản bàn giao SCL hoàn thành.
- + Sổ nhật ký trung đại tu thiết bị và hồ sơ quyết toán.

+ Bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 5 ngày làm việc bên B cung cấp cho bên A 01 bản gốc bảo lãnh giá trị bằng 05% giá trị hợp đồng ;

-) Hình thức: Bằng bảo lãnh của Ngân hàng hoặc Chi nhánh Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo luật pháp Việt Nam;

-) Hiệu lực: Bằng thời gian bảo hành cộng thêm 30 ngày

- + Bảng kê chi tiết vật tư (02 bản)
- + Hồ sơ pháp lý của các vật tư kèm theo.
- + Biên bản xác định tiến độ thực hiện hợp đồng.
- + Giấy đề nghị thanh toán.

Giai đoạn 2 : Bên A thanh toán số tiền còn lại cho bên B trong vòng 30 ngày kể từ khi có đủ các hồ sơ sau:

- + Biên bản xác nhận kết thúc thời gian bảo hành giữa 02 bên.
- + Biên bản thanh lý hợp đồng.
- + Giấy đề nghị thanh toán.

2. *Đồng tiền thanh toán:* Thanh toán bằng VNĐ (đồng Việt Nam).

Điều 5. Loại hợp đồng: Trọn gói.

Điều 6. Thời gian thực hiện hợp đồng:

- Thời gian sửa chữa: ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và bàn giao thiết bị.

- Thời gian bàn giao thiết bị: Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày bàn giao thiết bị đi trung tu.

- Thời gian thanh quyết toán: Không vượt quá 30 ngày kể từ ngày hai bên nghiệm thu, bàn giao thiết bị đưa vào hoạt động.

Điều 7. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng:

Trong trường hợp giải thể bước 2 nếu có khối lượng thay đổi so với hồ sơ yêu cầu và hồ sơ đề xuất, hai bên sẽ làm biên bản điều chỉnh khối lượng và giá trị nhưng tổng giá trị sửa chữa không được vượt quá giá trị theo hồ sơ đề xuất và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở ký phụ lục hợp đồng trước khi thực hiện.

Điều 8. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

8.1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng.

- Giá trị bảo lãnh thực hiện hợp đồng: 03% giá hợp đồng.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bằng thư bảo lãnh của ngân hàng đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

- Hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng: Bằng thời gian thực hiện hợp đồng cộng thêm 30 ngày.

8.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho bên A như một khoản bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của bên B khi bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng.

8.3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho bên B trong vòng 20 ngày kể từ ngày thiết bị được nghiệm thu, bàn giao sau sửa chữa đồng thời bên B đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

8.4. Nếu bên B không nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì coi như bên B từ chối thực hiện hợp đồng và bên A có quyền hủy hợp đồng theo quy định.

Điều 9. Điều khoản thưởng phạt và chấm dứt hợp đồng:

1. Bên B có trách nhiệm thực hiện và hoàn thành toàn bộ các nội dung công việc không muộn hơn tiến độ đã cam kết và ghi trong Hợp đồng. Trường hợp chậm tiến độ mà không do các nguyên nhân bất khả kháng hoặc do khách quan, bên B sẽ bị phạt 1% cho 7 ngày đầu chậm tiến độ và tăng thêm 1% cho 7 ngày tiếp theo. Tối đa mức phạt chậm tiến độ không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng vi phạm (trước GTGT).

2. Chấm dứt hợp đồng: Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

2.1. Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng đã được Bên A gia hạn.

2.2. Bên B bị phá sản, giải thể;

Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm 1 khoản 2 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với đơn vị sửa chữa khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho bên A chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm 2 khoản 2 Điều này bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 10. Tư vấn giám sát.

Bên A thực hiện quyền Tư vấn giám sát đối với công việc nêu trong hợp đồng.

Tư vấn giám sát Bên A có thể đưa ra chỉ dẫn cho Bên B về việc tổ chức thực hiện các nội dung công việc và sửa chữa sai sót bất kỳ lúc nào. Bên B phải tuân thủ theo chỉ dẫn của Tư vấn giám sát Bên A.

Điều 11. Vật tư, máy móc, thiết bị.

Bên B phải bảo đảm tất cả vật tư, máy móc thiết bị sử dụng cho công việc sửa chữa đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật và được kiểm định theo quy định của pháp luật. Các thiết bị phục vụ công tác sửa chữa phải bảo đảm an toàn trong vận hành.

Điều 12. Bảo hành thiết bị:

- Thời gian bảo hành: Thiết bị được bảo hành 6 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu và bàn giao thiết bị sau trung tu.

- Địa điểm bảo hành: Tại khai trường bên A.

- Trong thời gian bảo hành, bên B có trách nhiệm theo dõi và sửa chữa miễn phí những sự cố hư hỏng thuộc phạm vi và nội dung bảo hành ngay sau khi nhận được thông báo của bên A.

- Thời gian sửa chữa bảo hành được xác định bằng biên bản giám định kỹ thuật giữa hai bên theo từng nội dung. Tổng thời gian sửa chữa bảo hành thiết bị không quá 05 ngày (15 ca).

- Trong thời gian bảo hành, nếu thiết bị gặp sự cố phải sửa chữa, phòng CV và đơn vị quản lý thiết bị bên A cùng bên B tiến hành lập biên bản sửa chữa. Kết thúc thời gian bảo hành phòng CV tổng hợp xác nhận số lần sửa chữa, chất lượng sửa chữa và thời gian bảo hành (có biên bản) gửi về phòng KH làm cơ sở thanh lý hợp đồng.

- Trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian bảo hành, bên B phải có nghĩa vụ phối hợp cùng bên A lập biên bản xác nhận kết thúc thời gian bảo hành. Trường hợp trong thời gian trên, bên B không phối hợp hoặc không có văn bản yêu cầu bên A lập biên bản bảo hành (kết thúc bảo hành/thực hiện nghĩa vụ bảo hành) thì bên A có quyền từ chối thanh toán giá trị còn lại của hợp đồng (trừ trường hợp do lỗi của bên A).

- Bên B bị phạt do chậm thực hiện công tác bảo hành trong các trường hợp sau:

+ Quá 24 giờ mà bên B không có mặt tại bên A kể từ thời điểm bên B nhận được yêu cầu (bằng văn bản/điện thoại) bảo hành của bên A.

+ Thực hiện tổng thời gian sửa chữa bảo hành quá 05 ngày (15 ca) đối với thiết bị sau trung tu.

Giá trị phạt do chậm thực hiện việc bảo hành là 532.000 đồng/ca nhưng không quá 07 ngày (21 ca).

- Trường hợp chậm quá 07 ngày (21 ca) được hiểu là bên B không thực hiện công tác bảo hành thì bên A sẽ lập biên bản ghi rõ tình trạng hư hỏng, phương án sửa chữa và tổ chức tự sửa chữa hoặc thuê tổ chức khác sửa chữa. Bên B phải bồi hoàn cho bên A toàn bộ chi phí này.

Điều 13. Nghiệm thu, bàn giao:

- Thiết bị sửa chữa xong, bên B thông báo bằng văn bản cho bên A trước 3 ngày làm việc để bên A tổ chức nghiệm thu theo quy định hiện hành,

- Tổ nghiệm thu kỹ thuật bên A tổ chức nghiệm thu theo quy định cụ thể:

+ Biên bản nghiệm thu các cụm sửa chữa.

+ Biên bản nghiệm thu kỹ thuật sau trung tu.

+ Biên bản nghiệm thu chạy thử sau trung tu.

+ Biên bản bàn giao thiết bị sau trung tu.

+ Biên bản bàn giao sửa chữa lớn hoàn thành.

+ Hồ sơ quyết toán theo Quyết định số 2506/QĐ-VHTC ngày 27/6/2025 của Công ty CP Than Hà Tu – Vinacomin về việc ban hành Quy định sửa chữa tài sản cố định là thiết bị trong Công ty CP Than Hà Tu – Vinacomin.

+ Nhật ký trung tu thiết bị.

- Khi nghiệm thu chất lượng sửa chữa không đạt yêu cầu, hai bên thống nhất nội dung và thời gian sửa chữa để bên B tổ chức khắc phục ngay tối đa không quá 6 ngày. Nếu bên B khắc phục sửa chữa không đạt tiến độ so với hợp đồng thì bên B sẽ bị phạt tiến độ hợp đồng tại Điều 9 của hợp đồng này.

Điều 14. Trường hợp bất khả kháng

Bên B sẽ không phải bồi thường thiệt hại hay bị phạt, bị chấm dứt hợp đồng trong những trường hợp bất khả kháng sau:

- Trong trường hợp này bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của bên bán như: thiên tai, dịch họa, chiến tranh, dịch bệnh...

- Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng bên B phải thông báo cho bên A bằng văn bản về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời bên B phải chuyển cho bên A toàn bộ giấy tờ xác nhận về sự kiện đó được cấp bởi một cấp có thẩm quyền hoặc phòng thương mại tại nước sở tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng đó. Trừ khi có ý kiến của bên A bằng văn bản, bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng.

Điều 15. Bảo quyền và bảo hiểm của hàng hóa

- Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa cung cấp cho bên A.

- Hàng hóa do bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng.

Điều 16. Điều khoản chung:

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản trong hợp đồng. Các điều khoản, yếu tố khác không thể hiện trong hợp đồng này được hai bên thống nhất như trong hồ sơ đề xuất và hồ sơ yêu cầu, biên bản thương thảo. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề gì phát sinh, hai bên phải bàn bạc thỏa thuận bằng văn bản, không bên nào được tự ý sửa đổi bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng. Trường hợp hai bên không giải quyết được thì thống nhất chuyển đến Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo luật định, bên thua kiện phải thanh toán án phí và chi phí phát sinh khác.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ khi bên A nhận được bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định và bên B thực hiện hết các nghĩa vụ của Hợp đồng.

Hợp đồng lập thành 09 bản, bên A: 05 bản, bên B: 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN BÊN B

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

STT	YẾU TỐ CHI PHÍ	Giá trị	Ghi chú
1	Chi phí vật tư, phụ tùng, nhiên liệu		
2	Chi phí tiền lương		
3	Chi phí: BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ		
4	Chi phí động lực		
5	Chi phí khấu hao TSCĐ		
6	Chi phí khác		
7	Lãi định mức		
8	Chi phí dự phòng (5%)		
9	Cộng giá trị trước thuế		
10	Thuế GTGT		
11	Tổng giá trị		

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

Kính gửi: _____, ngày ____ tháng ____ năm ____
[Ghi tên Bên mời cung cấp dịch vụ]
(sau đây gọi là chủ đầu tư)

Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà cung cấp dịch vụ] (sau đây gọi là Nhà cung cấp dịch vụ) là Nhà cung cấp dịch vụ đã được lựa chọn gói dịch vụ _____ [ghi tên gói dịch vụ] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cho gói dịch vụ trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong HSYC (hoặc hợp đồng), Nhà cung cấp dịch vụ phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại _____ [ghi địa chỉ của ngân hàng]⁽³⁾ (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của [ghi tên Nhà cung cấp dịch vụ] với số tiền là _____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư thông báo Nhà cung cấp dịch vụ vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của Ngân hàng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời cung cấp dịch vụ sẽ báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà cung cấp dịch vụ] (sau đây gọi là Nhà cung cấp dịch vụ) là Nhà cung cấp dịch vụ đã được lựa chọn gói dịch vụ _____ [ghi tên gói dịch vụ] đã ký hợp đồng số _____ [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.